

CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ISSN: 0866-7756

VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

SỐ 11 - THÁNG 5/2021



Website: <http://tapchicongthuong.vn>



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

GS.TS. Trần Thọ Đạt

GS.TS. Trần Văn Địch

GS.TS. Nguyễn Bách Khoa

GS.TSKH. Đỗ Ngọc Khuê

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TSKH. Nguyễn Xuân Quỳnh

GS.TS. Đinh Văn Sơn

GS.TSKH. Trần Văn Sung

GS.TS. Lê Văn Tán

GS. TS. Phạm Minh Tuấn

GS.TSKH. Đào Trí Úc

GS.TSKH. Đặng Ứng Vận

GS.TS. Võ Khánh Vinh

TỔNG BIÊN TẬP

ThS. Đặng Thị Ngọc Thu

ĐT: 0968939668

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Ngô Thị Diệu Thúy

ĐT: 024.22218228 - 0903223096

Phạm Thị Lệ Nhung

ĐT: 0912093191

TÒA SOẠN

Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Ban Trị sự - ĐT: 024.22218238

Fax: 024.22218237

Ban Thư ký - Xuất bản

ĐT: 024.22218230

Ban Truyền thông - ĐT: 024.22218239

Ban Chuyên đề - ĐT: 024.22218229

Ban Phóng viên - ĐT: 024.22218232

Trung tâm Thông tin Đa phương tiện

ĐT: 024.2221 8231

Email: online@tapchicongthuong.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao,
Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38213488 - Fax: (028) 38213478

Email: vpddpntapchicongthuong@gmail.com

Giấy phép hoạt động báo chí số:

60/GP-BTTTT

Cấp ngày 05/3/2013

Trình bày: Tại Tòa soạn

In tại Công ty CP Đầu tư và

Hợp tác quốc tế

Giá 250.000 đồng

Website: www.tapchicongthuong.vn

LÊ QUANG VINH

Giải pháp cơ bản phát triển kinh tế hộ nông dân đồng bào dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030

Solutions to support the economic development of Khmer farming households in the Mekong Delta region to 2030188

LÊ ĐÌNH CHIỀU - PHAN THỊ THÙY LINH - NGUYỄN VĂN THƯỜNG

Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Hà Nội

The research model of the factors affecting the entrepreneurial intention of students majoring in economic studies in Hanoi City's technical universities194

LÊ VĂN CHIẾN - NGUYỄN ĐỨC THẮNG - NGUYỄN THỊ HƯỜNG

Xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến mức học phí theo quan điểm người học tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Developing the model analyzing the factors affecting the tuition fee at the Hanoi University of Mining and Geology from the point of view of learners.....200

TRẦN THỊ HOA LÝ

Diễn biến thị trường bất động sản Việt Nam quý 1/2021 và một số kiến nghị chính sách

The development of Vietnam's real estate market in Q1/2021 and some recommendations206

DUONG THI PHUONG HANH

A study on the satisfaction of students with the training quality: Case study of Lac Hong University

Sự hài lòng của sinh viên đến chất lượng dịch vụ đào tạo - Trường hợp nghiên cứu tại trường Đại học Lạc hồng211

PHAM HUNG CUONG - NGUYEN THI MINH TRANG

Factors affecting clicking behavior on advertisements on social networks of the millennials living in Ho Chi Minh City

Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi nhấp chuột vào quảng cáo trên mạng xã hội của người tiêu dùng thuộc thế hệ Millennials tại TP.Hồ Chí Minh222

NGUYEN CAM GIANG

Effectively communicating with Vietnamese audiences by an appealing CSR message

Truyền thông hiệu quả tới khách hàng Việt Nam qua thông điệp CSR thu hút.....240

HUỲNH THỊ MỸ NGÂN

Quản lý phát triển đội ngũ giáo viên hệ trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương trong bối cảnh đổi mới giáo dục

Management and development of secondary school teachers in Thuan An City, Binh Duong Province in the context of educational innovation.....246

NGUYỄN HOÀI NHÂN - DƯƠNG XUÂN VƯƠNG

Phát triển hoạt động du lịch văn hóa theo hướng bền vững tại vùng Tây Nguyên

Developing the cultural tourism in the Central Highlands in a sustainable manner252

TRƯƠNG ĐỨC THAO - DƯƠNG MINH TÚ - VŨ ĐÀO TÙNG PHƯƠNG

Một số nhân tố tác động đến ý định ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện (TQM) trong các doanh nghiệp

Factors affecting the intention of applying total quality management system in enterprises258

BÙI THU THỦY

Thực trạng khai thác du lịch vùng biên tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

The current border tourism exploitation of Mong Cai City, Quang Ninh Province.....264

XÂY DỰNG MÔ HÌNH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC HỌC PHÍ THEO QUAN ĐIỂM NGƯỜI HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

● LÊ VĂN CHIẾN - NGUYỄN ĐỨC THẮNG - NGUYỄN THỊ HƯỜNG

TÓM TẮT:

Từ những đặc điểm về giá dịch vụ giáo dục và những mô hình nghiên cứu về chất lượng dịch vụ giáo dục, bài báo đã xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến mức học phí theo quan điểm của người học. Với kết quả nghiên cứu thực nghiệm tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, nhóm tác giả cũng đã thực hiện kiểm định và hiệu chỉnh mô hình thông qua: Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, Phân tích nhân tố khám phá EFA, Phân tích nhân tố khẳng định CFA, và Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, từ đó đề xuất các kiến nghị về chính sách học phí của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Từ khóa: mức học phí, học phí đại học, giá dịch vụ đào tạo.

1. Đặt vấn đề

Đứng trước bối cảnh các trường đại học phải thực hiện đề án tự chủ đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học cần phải xác định lại mức thu học phí để đảm bảo bù đắp kinh phí, nâng cao chất lượng đào tạo, tuy nhiên mức thu học phí phải phù hợp để thu hút người học trong môi trường cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục. Do đó, các trường đại học cần phải nắm bắt được những nhân tố ảnh hưởng đến mức học phí để có thể đề ra những giải pháp đúng đắn về chính sách học phí, từ đó thu hút được sinh viên theo học và nâng cao được năng lực cạnh tranh đối với các cơ sở giáo dục khác.

Bài báo này được nhóm tác giả nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố và mức độ ảnh hưởng

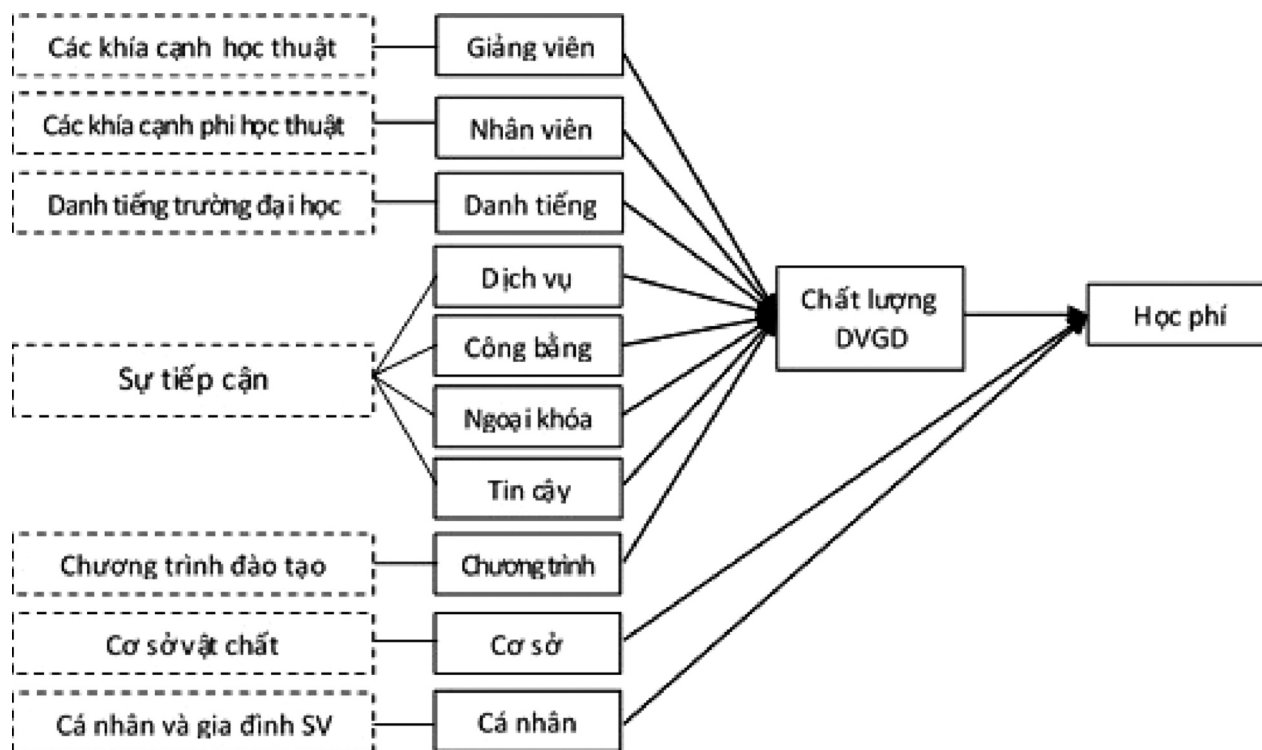
của các nhân tố đến mức học phí theo quan điểm người học tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Dựa vào mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức học phí theo quan điểm của người học (Tran Quang Hung, 2016), mô hình đánh giá chất lượng dịch vụ giáo dục (DVGD) HEdPERF (Abdullah, 2006), và đề xuất của nhóm tác giả từ mô hình nghiên cứu đã được xác định (Hình 1). Theo đó, mức học phí được cho là chịu ảnh hưởng bởi 3 nhân tố: Chất lượng DVGD, điều kiện cơ sở vật chất và các yếu tố thuộc về cá nhân, gia đình sinh viên. Trong đó: (Hình 1)

(1) Nhóm nhân tố thuộc về chất lượng dịch vụ giáo dục: Trong nhóm nhân tố này, nhóm tác giả sử dụng mô hình HEdPERF gồm 5 thành phần:

Hình 1: Mô hình đề xuất các nhân tố ảnh hưởng tới mức học phí theo quan điểm người học



+ Các khía cạnh phi học thuật: Phương diện này bao gồm các yếu tố liên quan đến các nhân viên nhà trường nhằm hỗ trợ sinh viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu và học tập của họ (gồm 7 biến quan sát NV1-NV7).

+ Các khía cạnh học thuật: Bao gồm các yếu tố mô tả trách nhiệm của giảng viên đối với sinh viên (gồm 9 biến quan sát GV1-GV9).

+ Danh tiếng trường đại học: Thể hiện ở thương hiệu, truyền thống của Nhà trường trong và ngoài nước theo đánh giá của người học (gồm 4 biến quan sát DT1-DT4).

+ Sự tiếp cận: Phương diện này bao gồm các yếu tố liên quan đến các vấn đề như khả năng tiếp cận, dễ dàng tiếp xúc, thái độ của giảng viên và các nhân viên nhà trường. Được đánh giá trên 4 khía cạnh: các dịch vụ hỗ trợ học tập (gồm 8 biến quan sát DV1-DV8); sự công bằng trong việc cung cấp thông tin và xử lý các vấn đề (gồm 5 biến quan sát CB1-CB5); việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên (gồm 4 biến quan sát NK1-NK4) và sự tin cậy trong đánh giá kết quả học tập (gồm 4 biến quan sát TC1-TC4).

+ Chương trình đào tạo: Phương diện này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cung cấp rộng rãi và

uy tín các chương trình học tập, chuyên ngành với cấu trúc linh hoạt và các vấn đề liên quan đến giáo trình nhằm phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường cũng như mục tiêu học tập của sinh viên (gồm 6 biến quan sát CT1-CT6).

(2) Nhân tố thuộc về điều kiện cơ sở vật chất: Đánh giá tình trạng trang bị cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, hệ thống thông tin thư viện đầy đủ, hiện đại, phục vụ hiệu quả cho việc học tập của sinh viên (gồm 5 biến quan sát CS1-CS5).

(3) Nhân tố thuộc về cá nhân và gia đình sinh viên: Bao gồm các yếu tố thể hiện đặc trưng cá nhân trong học tập của sinh viên và gia đình như: ngành học, năm học, học lực, giới tính; nghề nghiệp của bố mẹ, mức thu nhập bình quân của gia đình,...

Mức độ hài lòng DVGD của sinh viên được đánh giá qua 5 biến quan sát (HLDV1-HLDV5) và chính sách học phí của Nhà trường được đánh giá qua 3 biến quan sát (HP1-HP3).

3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu định tính được tiến hành trên 50 đối tượng là sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất. Sau nhiều lần hiệu chỉnh, bảng câu hỏi cuối cùng đã được xây dựng và đưa vào khảo sát định lượng.

Khảo sát định lượng được tiến hành từ tháng

12/2020 đến tháng 1/2021, đối tượng chọn mẫu là sinh viên các khóa 61, 62, 63, 64 của Trường Đại học Mở - Địa chất. Nghiên cứu định lượng này được thực hiện thông qua phương pháp phỏng vấn trực tiếp sinh viên và điều tra trực tuyến qua mạng internet. Phương pháp lấy mẫu phi ngẫu nhiên - lấy mẫu thuận tiện. Mô hình đo lường gồm 52 biến quan sát, theo Hair & ctg (1998), kích thước mẫu cần thiết là $n = 260 (52 \times 5)$. Để đạt được kích thước mẫu đề ra, nhóm tác giả đã gửi phiếu điều tra đi phỏng vấn trên 900 sinh viên của 9 khoa và chương trình tiên tiến, kết quả thu về được 886/905 mẫu hợp lệ. Dữ liệu được nhập và phân tích trên 2 phần mềm SPSS và AMOS.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đánh giá thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm nghiệm độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy: 52/52 biến quan sát của các thành phần, nhân tố đều có tương quan với biến tổng lớn hơn 0,3; hệ số Cronbach's alpha lớn hơn 0,6 nên có thể kết luận: độ tin cậy của các thang đo dùng trong mô hình đảm bảo độ tin cậy cho phép.

4.2. Phân tích nhân tố EFA

Thang đo các thành phần Chất lượng DVGD: có 5 biến (DT1, DT2, DT3, DT4, CB5) quan sát có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) nhỏ hơn 0.5 nên lần lượt bị loại ra khỏi mô hình. Kết quả EFA lần cuối cùng có KMO = 0.973 (cho thấy phân tích nhân tố EFA là thích hợp), Sig = 0.000 (chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể), tổng phương sai trích được 74.937% (> 50%, cho biết các nhân tố rút trích ra giải thích được 74.937% biến thiên của dữ liệu). Sau khi phân tích nhân tố EFA, thang đo các thành phần chất lượng DVGD được hợp thành 6 nhóm, trong đó có sự xáo trộn biến quan sát là biến DV và CB hợp thành 1 nhóm, do đó tên gọi của nhóm này được đặt là sự công bằng trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ đối với sinh viên (kí hiệu là DV_CB).

Thang đo các thành phần Cơ sở vật chất có KMO = 0.891, Sig. = 0.000, có 5 nhân tố được rút trích ra với tổng phương sai trích là 75.336%. Như vậy, sau khi tiến hành phân tích nhân tố, không có biến nào bị loại thêm và các thành phần Cơ sở vật chất vẫn được giữ nguyên do không có sự xáo trộn biến quan sát giữa các nhân tố.

Thang đo Chất lượng dịch vụ giáo dục có KMO = 0.899, Sig. = 0.000, có 5 nhân tố được rút trích ra với tổng phương sai trích là 83.829%. Thang đo Sự phù hợp của học phí có KMO = 0.757, Sig. = 0.000, có 3 nhân tố được rút trích ra với tổng phương sai trích là 85.557%. Như vậy, thang đo chất lượng DVGD và Sự phù hợp của học phí đều đạt yêu cầu và vẫn giữ nguyên số biến quan sát, sẵn sàng để tiến hành phân tích nhân tố khẳng định CFA.

4.3. Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Thực hiện phương pháp phân tích nhân tố khẳng định, các chỉ số đánh giá sự phù hợp của mô hình thu được trong Bảng 1.

Bảng 1. Các chỉ số đánh giá mức độ phù hợp của mô hình với dữ liệu điều tra

Các chỉ số đánh giá	Giá trị	Yêu cầu
CMIN/df	3.469	<5
TLI	0.933	>0.9
CFI	0.928	>0.9
RMSA	0.061	<0.08
GFI	0.819	≥ 0.8

Dựa vào kết quả ở Bảng 1, các chỉ số đánh giá đều thỏa mãn điều kiện. Như vậy, có thể kết luận mô hình phù hợp với dữ liệu nghiên cứu và đạt được tính đơn nguyên.

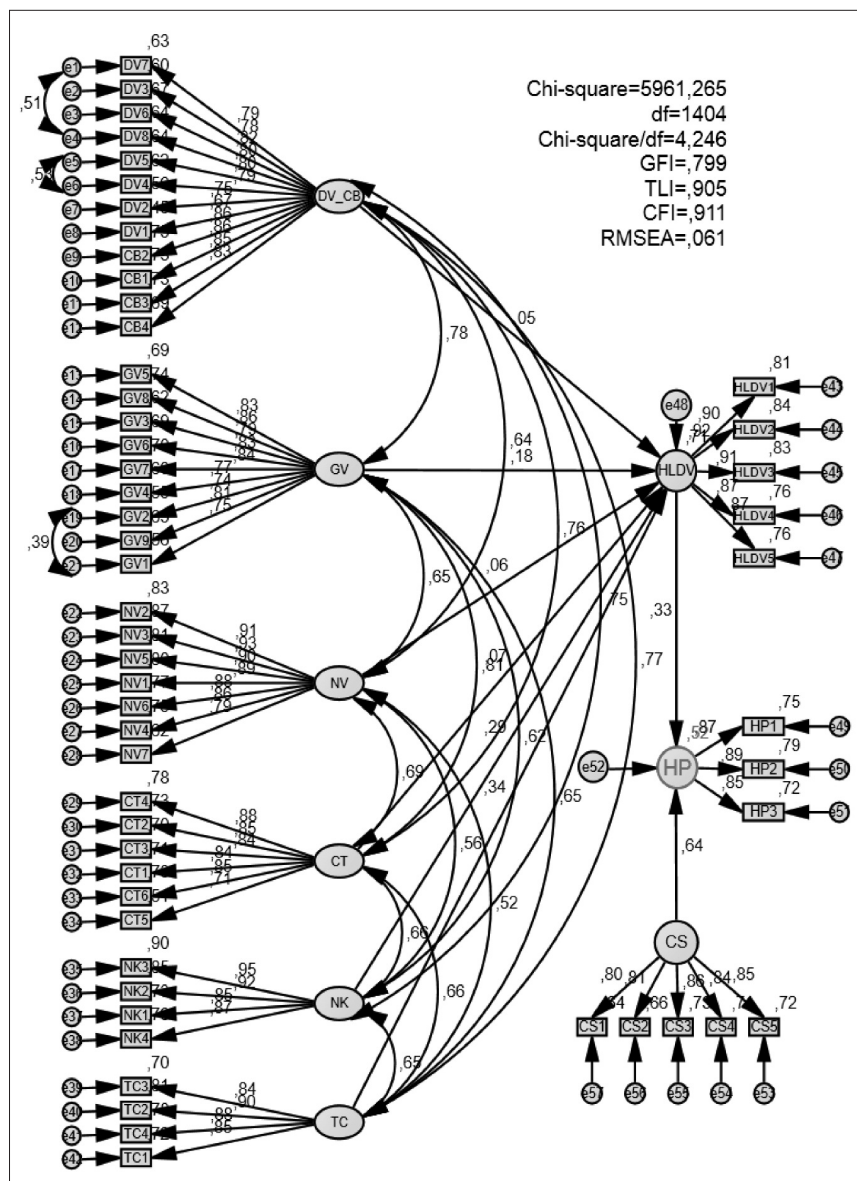
4.4. Đánh giá sự phù hợp của mô hình bằng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Sau khi phân tích CFA, mô hình cấu trúc tuyến tính SEM được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến mức học phí. Phân tích SEM được tiến hành phân tích bắt đầu từ mô hình nghiên cứu đề xuất ban đầu, sau đó tiến hành hiệu chỉnh mô hình để có được mô hình tốt hơn. Thực hiện ước lượng mô hình nghiên cứu bằng mô hình cấu trúc tuyến tính, thu được kết quả thể hiện trong Hình 2.

Kết quả của phân tích SEM cho thấy mô hình phù hợp với dữ liệu nghiên cứu vì Chisquare/df = $4,246 < 5$; TLI = $0,905 \approx 1$; CFI = $0,911 \approx 1$; RMSEA = $0,061 < 0,08$ (Browne và Cudek, 1992; Kettinger và Lee, 1995). Vậy, mô hình cấu trúc tuyến tính trong trường hợp này là phù hợp và đáng tin cậy.

Từ kết quả kiểm định mô hình ở Bảng 2, cho thấy:

Hình 2: Kết quả phân tích cấu trúc tuyến tính



+ Về nhóm nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng DVGD: 3 nhân tố Giảng viên (GV), Các hoạt động ngoại khóa (NK), Sự tin cậy trong đánh giá kết quả học tập (TC) đều ảnh hưởng thuận chiều đến Hải lòng DVGD ở độ tin cậy 95% (do P-value < 0.05); tương tự, nhân tố Nhân viên ảnh hưởng thuận chiều đến Hải lòng DVGD (độ tin cậy 95,5%); 2 nhân tố Dịch vụ hỗ trợ và Chương trình đào tạo có ảnh hưởng thuận chiều đến Hải lòng DVGD (với độ tin cậy 71,6% và 87,8%), như vậy với độ tin cậy nhỏ hơn 95% nên 2 nhân tố này không có ý nghĩa trong mô hình hồi quy hay 2 biến này không có sự tác động lên biến phụ thuộc.

+ Về nhóm nhân tố ảnh hưởng đến Học phí: 2 nhân tố Chất lượng DVGD (HLDV) và Cơ sở vật chất (CS) đều ảnh hưởng thuận chiều đến Học phí ở độ tin cậy 95% (do P-value < 0.05).

Như vậy, theo kết quả kiểm định, mô hình nghiên cứu cho thấy: nhân tố GV có tác động đến HLDV với giá trị Beta là 0,176; nhân tố NV có

Bảng 2. Các trọng số chưa chuẩn hóa và chuẩn hóa phân tích SEM

Mối tương quan	Ước lượng	Sai số chuẩn	Giá trị tới hạn	P-value	Hệ số chuẩn hóa
HLDV ← DV_CB	0,063	0,059	1,071	0,284	0,053
HLDV ← GV	0,194	0,048	4,066	***	0,176
HLDV ← NV	0,049	0,024	2,003	0,045	0,060
HLDV ← CT	0,065	0,042	1,545	0,122	0,068
HLDV ← NK	0,246	0,029	8,334	***	0,286
HLDV ← TC	0,354	0,039	9,18	***	0,339
HP ← HLDV	0,342	0,029	11,793	***	0,333
HP ← CS	0,637	0,032	19,68	***	0,642

tác động đến HLDV với giá trị Beta là 0,06; nhân tố NK có tác động đến HLDV với giá trị Beta là 0,286; nhân tố TC có tác động đến HLDV với giá trị Beta là 0,339. Nhân tố HLDV có tác động đến HP với giá trị Beta là 0,333; nhân tố CS có tác động đến HP với giá trị Beta là 0,642. Các giả thuyết được tóm tắt trong sơ đồ Hình 3.

4.5. Kiểm định sự khác biệt đặc điểm cá nhân và gia đình sinh viên đến mức học phí

Kết quả kiểm định T-Test không có sự khác biệt trung bình về đánh giá Học phí giữa các giới tính khác nhau.

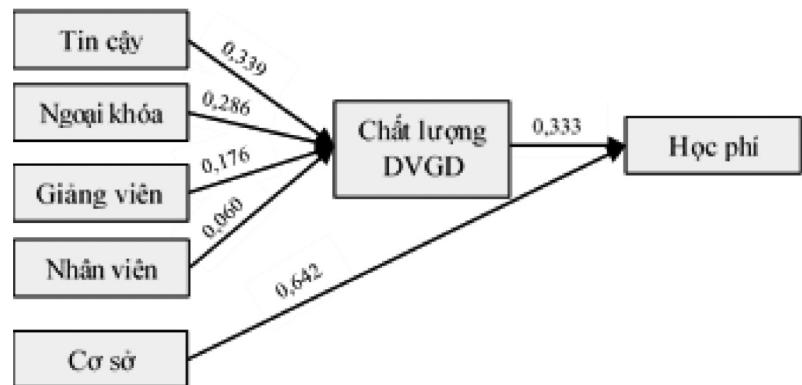
Kết quả kiểm định ANOVA cho thấy không có sự khác biệt giữa các sinh viên ở các khóa học nhưng có sự khác biệt giữa sinh viên học ở các Khoa khác nhau và thu nhập của người bố của sinh viên khi đánh giá về mức học phí.

5. Kết luận và kiến nghị

Bài báo đã xây dựng mô hình lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến mức học phí theo quan điểm của người học tại Trường Đại học Mở - Địa chất. Kết quả cho thấy, mức học phí bị ảnh hưởng 2 nhóm nhân tố là: chất lượng DVGD và cơ sở vật chất của Nhà trường, với mức độ tác động lần lượt là 0,333 và 0,642. Trong đó, chất lượng DVGD của Nhà trường bị ảnh hưởng bởi 4 nhân tố được sắp theo mức độ ảnh hưởng giảm dần là: Độ tin cậy trong đánh giá kết quả học tập, Các hoạt động ngoại khóa, Giảng viên và Nhân viên..

Từ kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả cho

Hình 3: Ảnh hưởng của các nhân tố trong mô hình SEM



rằng: khi xây dựng mức học phí, Nhà trường nên xây dựng riêng cho từng ngành học ở từng Khoa; đồng thời để thực hiện lộ trình tăng học phí phù hợp với bối cảnh tự chủ hóa đại học. Nhà trường cần lưu ý đến việc nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục như: xây dựng quy trình và phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên phù hợp và nâng cao mức độ tin cậy hơn nữa, tổ chức các hoạt động ngoại khóa ngoài giờ lên lớp cho sinh viên, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cải thiện mối quan hệ giữa giảng viên với sinh viên trong quá trình học tập, và cuối cùng là nâng cao chất lượng và thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính. Khi người học được xác định là khách hàng của trường đại học, Nhà trường nên tập trung vào khách hàng có nhu cầu và khả năng chi trả phù hợp. Mức học phí cần được xây dựng dựa trên các yếu tố mà người học sẵn sàng chi trả, vì về lâu dài các yếu tố này không chỉ đảm bảo lợi ích của người học mà còn quyết định sự phát triển bền vững của trường đại học ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Abdullah, F. (2006). Measuring service quality in higher education: HEdPERF versus SERVPERF. *Marketing Intelligence & Planning*, 24(1), 31-47. <https://doi.org/10.1108/02634500610641543>.
2. Hair, Anderson, Tatham, black. (1998). *Multivariate Data Analysis*. USA: Prentical-Hall International, Inc.
3. Kettinger, W.J., and Lee, C.C. (1995). Exploring a “gap” model of information service quality. *Information Resources Management Journal*, 8(3), 5-16.

4. Browne, M. W., & Cudeck, R. (1992). Alternative ways of assessing model fit. *Sociological Methods & Research*, 21(2), 230-258.
5. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1, tập 2*, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Hồng Đức.
6. Nguyễn Đình Thọ (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
7. Trần Quang Hùng (2016). *Chính sách học phí đại học của Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 2/3/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/4/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/4/2021

Thông tin tác giả:

1. LÊ VĂN CHIẾN

2. NGUYỄN ĐỨC THẮNG

3. NGUYỄN THỊ HƯỜNG

Trường Đại học Mở - Địa chất

DEVELOPING THE MODEL ANALYZING THE FACTORS AFFECTING THE TUITION FEE AT THE HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY FROM THE POINT OF VIEW OF LEARNERS

● LE VAN CHIEN

● NGUYEN DUC THANG

● NGUYEN THI HUONG

Hanoi University of Mining and Geology

ABSTRACT:

Based on the characteristics of the price of educational services and research models on the quality of educational services, this paper proposes a model which consists of the factors affecting the tuition fee from the point of view of learners. This model was applied at the Hanoi University of Mining and Geology (HUMG) and it was tested and calibrated through Cronbach's alpha, exploratory factor analysis, confirmatory factor analysis, and structural equation modeling. Based on the paper's findings, some recommendations on the HUMG's tuition fee policy are proposed.

Keywords: tuition fees, university tuition fees, training service prices.